

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;
2. Ông Nguyễn Hồng Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 307/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Trúc M, sinh năm 1995; địa chỉ cư trú: Khóm A, phường T, thị xã T, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: khóm 1, thị trấn T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp; có mặt

- Bị đơn: Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: khóm C, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 05/11/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Hồ Thị Trúc M trình bày: Về hôn nhân giữa tôi với anh Hà Văn Đ do 02 người quen biết nhau trước, được cha, mẹ hai bên đồng ý nên chúng tôi tiến tới hôn nhân vào năm 2019. Chúng tôi có đi đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 62/2019, ngày 13/9/2019. Quá trình sống chung, lúc đầu có

hạnh phúc đến năm 2020 thì hai xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ chơi cờ bạc, rượu chè, chửi bới xúc phạm và đánh tôi. Tôi với anh Đ ly thân từ tháng 8/2021 đến nay. Tôi nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, sống không có hạnh phúc. Tôi xin được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Tôi với anh Đ có với nhau một đứa con chung tên Hà Trung H, sinh ngày 11/01/2020, hiện đứa con đang sống với tôi. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Hồ Thị Trúc M khai chị với anh Đ không có tài sản chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Hồ Thị Trúc M khai chị với anh Đ không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Văn Đ trình bày trong biên bản lấy lời khai ngày 10/02/2022: Về hôn nhân tôi với cô M kết hôn và có đi đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 62/2019 ngày 13/9/2019 tại UBND T, thị xã T, tỉnh An Giang. Tôi với cô M sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp (dịch bệnh bùng phát tôi không đi làm được) do không có tiền nên xảy ra mâu thuẫn. Tôi còn thương cô M yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Tôi với cô M có với nhau 01 đứa con chung tên Hà Trung H, sinh ngày 11/01/2020, hiện con đang sống tôi, có lúc về sống với bà ngoại. Tôi yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu M cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi với cô M không có tài sản chung, tôi với cô M có nợ mẹ vợ là bà Nguyễn Thị D 30.000.000 đồng nhưng tôi đã trả xong cho bà D, không còn nợ ai khác.

Biên bản xác minh ngày 14/3/2022 của bà Hà Thị Kim L là mẹ ruột anh Hà Văn Đ cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị M với anh Đ thể hiện: Chị Hồ Thị Trúc M với anh Hà Văn Đ quen biết nhau trước, được cha, mẹ hai bên đồng ý nên kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung giữa hai người có hạnh phúc, đến năm 2020 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình anh Đ thì nóng nảy, chị M thì có quan hệ với người đàn ông khác. Khi xảy ra cự cãi anh Đ có đánh chị M, chị M thấy tình cảm không còn với anh Đ nên đã bỏ anh Đ đi từ tháng 8/2021 đến nay, cả hai người không chủ động hàn gắn lại. Chị M với anh Đ đoàn tụ lại là không thể. Hai người có một đứa con chung tên Hà Trung H, sinh ngày 11/10/2020 hiện chị M đang nuôi, anh Đ vẫn tới thăm con.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do anh Đ vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 14/3/2022 của bà Hà Thị Kim L, biên bản lấy lời khai ngày 10/02/2022 của anh Hà Văn Đ.

Tại phiên tòa, chị M giữ nguyên yêu cầu, anh Đ vắng mặt,

Chị M xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung

cấp thêm chứng cứ nào khác; anh Đ không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, chị Hồ Thị Trúc M với anh Hà Văn Đ có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tháng 8 năm 2020 giữa chị M với anh Đ có phát sinh mâu thuẫn. Chị M với anh Đ đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của M.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị M với anh Đ có 01 con chung tên Hà Trung H, sinh ngày 11/01/2020, hiện con đang sống với chị M, cháu Hiếu dưới 36 tháng tuổi đề nghị giao cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Hồ Thị Trúc khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với anh Hà Văn Đ, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: khóm C, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Sự vắng mặt của đương sự: Anh Hà Văn Đ vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Trúc M với anh Hà Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã T, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2019, ngày 13/9/2019. Xét, hôn nhân giữa chị M và anh Đ là hợp pháp.

Chị M khai, quá trình chung sống chị M và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ chơi cờ bạc, rượu chè, chửi bới xúc phạm và đánh chị M, nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn hạnh phúc như trước. Chị M với anh Đ đã không còn sống chung từ tháng 8/2021 đến nay. Tình cảm của chị M đối với anh Đ không còn, yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Biên bản xác minh ngày 14/3/2022 của bà Hà Thị Kim L là mẹ ruột anh Hà Văn Đ cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị M với anh Đ thể hiện: Chị Hồ Thị Trúc M với anh Hà Văn Đ quen biết nhau trước, được cha, mẹ hai bên đồng ý nên kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung giữa hai người có hạnh phúc, đến năm 2020 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình anh Đ thì nóng nảy, chị M thì có quan hệ với người đàn ông khác. Khi xảy ra cự cãi anh Đ có đánh chị M, chị M thấy tình cảm không còn với anh Đ nên đã bỏ anh Đ đi từ tháng 8/2021 đến nay, cả hai người không chủ động hàn gắn lại. Chị M với anh Đ đoàn tụ lại là không thể.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Chị M với anh Đ có thời gian dài không sống chung, hai người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa chị M với anh Đ đã sống xa cách nhau từ tháng 8/2021 đến nay.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của chị M ly hôn đối với anh Đ.

[3] Về con chung: Chị M với anh Đ, trong thời kỳ hôn nhân hai người có 01 con chung tên Hà Trung H, sinh ngày 11/01/2020, hiện con đang sống với chị M, khi ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Xét, cháu H dưới 36 tháng tuổi, nên giao cháu Hà Trung H, sinh ngày 11/01/2020, cho chị M nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M với anh Đ đều khai giữa chị M với anh Đ không có tài sản và nợ chung nên không đặt ra giải quyết. Đối với tiền nợ bà D, anh Đ cho rằng đã trả xong cho bà D, nếu bà D cho rằng anh Đ chưa trả thì bà D có quyền khởi kiện anh Đ trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Hồ Thị Trúc M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị M được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006042 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Hà Văn Đ không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Trúc M.

Về hôn nhân: Chị Hồ Thị Trúc M được ly hôn với anh Hà Văn Đ;

Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2019, ngày 13/7/2019 do UBND phường H, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Hồ Thị Trúc M với anh Hà Văn Đ không còn giá trị pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Hà Trung H, sinh ngày 11/01/2020 cho chị Hồ Thị Trúc M nuôi dưỡng. Anh Hà Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hồ Thị Trúc M cùng gia đình (nếu có) không được cản trở anh Hà Văn Đ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Về án phí: Hồ Thị Trúc M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị M được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0006042 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Hà Văn Đ không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án chị Hồ Thị Trúc M có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời gian kháng cáo của anh Hà Văn Đ là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND phường Long Hưng
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Minh